

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

Người tham lam có rất nhiều: có nhà, có xe, có thu nhập tốt, có bạn bè, có những cuộc vui triền miên, nhưng họ lại chẳng cảm thấy mình có đủ, họ vẫn luôn thấy mình còn chưa bằng thiên hạ, họ không cảm nhận được hạnh phúc và thoải mái trong cuộc sống. Rồi một ngày, chắc chắn rằng ngay cả người tham lam nhất cũng sẽ mệt mỏi, phải dừng lại và tự hỏi chính mình: Rốt cuộc thì đích đến cuối cùng của cuộc đời là ở đâu?

Không phải là cái chết. Đích đến cuối cùng của cuộc đời mỗi người là khi chúng ta biết thế nào là đủ. Biết đủ là kỹ năng quan trọng nhất trong quy trình vận hành cuộc đời. [...] Người biết đủ luôn an yên. Họ không có nhu cầu chứng tỏ bản thân với ai, không so sánh cuộc đời mình với ai, họ biết cách để tâm trí và thể xác thoải mái, họ biết sống trọn vẹn ngay bây giờ và ở đây!

Có câu nói rất hay rằng: “Đừng khóc vì không có giày đi bởi vì có người còn không có chân để đứng!”. Khi hiểu được điều ấy, ta sẽ thấy nếu biết đủ thì người nghèo khổ cũng vui, không biết đủ thì người giàu sang cũng u buồn. Cuộc đời của một người cho dù là đau khổ hay hạnh phúc, nhưng nếu biết đủ và biết trân quý những gì mình đang có, thì tất cả những gì mà họ cảm nhận về cuộc sống mỗi ngày đều là tươi đẹp.

(Dẫn theo <https://baonghean.vn/neu-co-mot-dieu-uoc-post274710.html>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, đích đến cuối cùng của cuộc đời mỗi con người là gì?

Câu 3. Anh/ Chị hiểu ý tưởng “*họ biết sống trọn vẹn ngay bây giờ và ở đây*” như thế nào?

Câu 4. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm “*nếu biết đủ thì người nghèo khổ cũng vui, không biết đủ thì người giàu sang cũng u buồn*” hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa của việc *biết trân quý những gì mình đang có*.

Câu 2. (5.0 điểm)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị

uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bây giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy hơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

*Anh ném pao, em không bắt
Em không yêu, quả pao rơi rồi...*

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ Văn 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, tr. 7-8)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tầm lòng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài.

----- **HẾT** -----

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lý các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10,0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: 5.25=5.3; 5.75=5.8

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I			3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời PTBD khác: không cho điểm.	0,75
	2	Theo tác giả, đích đến cuối cùng của cuộc đời mỗi người là khi chúng ta biết thế nào là đủ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: không cho điểm	0,75
	3	Ý tưởng “họ biết sống trọn vẹn ngay bây giờ và ở đây” nghĩa là họ biết sống hết mình, toàn tâm toàn ý với hiện tại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - Học sinh hiểu nhưng diễn đạt không rõ ràng: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	0,75

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	4	<p>HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm “<i>nếu biết đủ thì người nghèo khổ cũng vui, không biết đủ thì người giàu sang cũng u buồn</i>” và giải thích được ý kiến của mình một cách hợp lý, thuyết phục.</p> <p>Có thể tham khảo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tình. Vì: <ul style="list-style-type: none"> + Khi con người biết hài lòng với cuộc sống hiện tại của mình thì sẽ tìm thấy niềm vui và hạnh phúc dù nghèo khó. + Ngược lại, nếu luôn đòi hỏi phải có nhiều hơn nữa thì dù sang giàu cũng sẽ cảm thấy thiếu thốn, buồn bã. - Vừa đồng tình vừa không đồng tình. Vì nếu con người luôn tự thỏa mãn với những gì mình có mà không nỗ lực hơn nữa để gây dựng cuộc sống tốt đẹp thì sẽ mãi giậm chân tại chỗ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được quan điểm của mình: 0,25 điểm - Học sinh lí giải thuyết phục, sâu sắc: 0,5 điểm. - Học sinh lí giải sơ sài, chưa thuyết phục: 0,25 điểm. - Học sinh không lí giải: không cho điểm: 0,0 điểm 	0,75
II			7,0
	1	<p>Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa của việc <i>biết trân quý những gì mình đang có</i>.</p>	2,0
		* <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn:</i> HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích, song hành.	0,25
		* <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> ý nghĩa của việc <i>biết trân quý những gì mình đang có</i> .	0,25
		* <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> HS lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề một cách mạch lạc, sáng rõ. Có thể trình bày theo hướng sau:	1,0
		- Giải thích: Trân quý những gì đang có là biết trân trọng, nâng niu, gìn	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>giữ những điều tốt đẹp mà cuộc sống đem đến cho mỗi con người.</p> <p>- Ý nghĩa của việc cân trân quý những gì đang có:</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Trân quý những gì đang có sẽ đem lại hạnh phúc cho con người. Từ đó, đời sống tinh thần và vật chất sẽ được đầy đủ và nâng cao;</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Trân quý những gì đang có sẽ giúp ta không rơi vào lối sống ảo tưởng, viển vông, hảo huyền, xa rời thực tế;</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Trân quý những gì đang có sẽ giúp ta thêm yêu đời, tạo năng lượng tích cực cho mọi người xung quanh, có động lực để phấn đấu, góp phần làm nên thành công.</p> <p>- Phê phán một số người không biết trân quý những gì đang có, chạy theo lối sống xa hoa, hưởng lạc cá nhân, đua đòi theo phong trào, gây đau khổ và phiền phức cho người khác.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động: Nhận thức được giá trị của cuộc sống hiện tại để biết quý trọng những gì mình có được trong tay. Tuổi trẻ cần học tập và rèn luyện, sống hết mình cho đời để không ân hận, hối tiếc vì mình đã đánh mất nhiều điều quý giá.</p>	
		* <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
		* <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc.	0,25
2		Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích. Từ đó, nhận xét về tấm lòng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài.	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận : Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai vấn đề, Kết bài khái quát lại vấn đề.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận : <p>- Diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về tấm lòng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài.</p>	0,25

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p><i>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.</i></p> <p>- Tô Hoài là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam đương đại. Ông cũng là một nhà văn có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú, về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.</p> <p>- “Vợ chồng A Phủ” là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông, được viết sau chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1953.</p> <p>- Tác phẩm là bức tranh bi thảm của người dân nghèo miền núi dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến, thực dân và là bài ca về phẩm chất, vẻ đẹp, về sức sống mãnh liệt của người lao động.</p> <p>- Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị khi hồi tưởng lại quá khứ tươi đẹp, từ đó thấy được cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Tô Hoài.</p>	<p>3,75</p> <p>0,5</p>
		<p><i>* Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn:</i></p> <p>- <i>Giới thiệu khái quát về Mị trước và sau khi làm dâu nhà thống lí Pá Tra:</i></p> <p>+ Trẻ; đẹp; thối sáo hay; được yêu và cũng đang yêu; hiếu thảo; chăm chỉ làm việc; ý thức được cuộc sống tự do.</p> <p>+ Vì món nợ truyền kiếp của gia đình nên Mị bị bắt làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra, sống cuộc đời trâu ngựa khổ đau, mất hết ý thức về cuộc sống.</p> <p>+ Thế nhưng tận đáy sâu tâm hồn câm lặng ấy vẫn le lói tia lửa sống, chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ.</p> <p>+ Khung cảnh mùa xuân ở vùng cao (cảnh vật, màu sắc, đám trẻ con, âm thanh tiếng sao gọi bạn tình) đã tác động đến tâm hồn Mị.</p> <p>- <i>Diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đoạn văn :</i></p> <p>+ “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát” -> Cách uống đầy tâm trạng: Mị uống như thể nuốt những đắng cay của phần đời đã qua và đang uống cho cả những khát khao cho phần đời sắp tới.</p> <p>+ Mị lắng nghe tiếng sáo gọi bạn, Mị “uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”. Mị sống lại những kí ức đẹp thời thiếu nữ, Mị</p>	<p>0,5</p> <p>1,75</p>

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>thổi sáo giỏi, có biết bao nhiêu người mê, đi theo Mị.</p> <p>+ Sức sống trong Mị bắt đầu hồi sinh “<i>Mị thấy phơi phơi trở lại</i>”, trong lòng đột nhiên vui sướng. Mị ý thức mình còn rất trẻ. Mị muốn được đi chơi.</p> <p>+ Nhưng lúc này, Mị cảm nhận sâu sắc nỗi tủi nhục của mình vì biết chồng Mị không đời nào cho Mị đi chơi tết. Mị chỉ muốn ăn lá ngón để chết ngay. Đây là một biểu hiện của một tâm hồn đang sống lại, tỉnh táo để nhận ra và thâm thía nỗi đau bị tước đoạt quyền được sống.</p> <p>+ Ý thức về thân phận: “<i>Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra</i>” giọt nước mắt của nỗi thương thân, xót phận, đau đớn, tuyệt vọng, bẽ tắc khi đối mặt với thực tại phũ phàng, giọt nước mắt hồi sinh của tâm hồn khao khát sống.</p> <p>+ Khát khao tự do, hạnh phúc: ẩn trong “<i>tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đờng</i>” với những giai điệu mang âm hưởng xót xa, nuối tiếc của tình yêu: “<i>Anh ném pao, em không bắt, quả pao rơi rồi</i>”. Tiếng sáo ngân vọng như tiếng gọi của khát vọng tình yêu, hạnh phúc.</p>	
		* <i>Nghệ thuật</i> : Phân tích tâm lí sắc sảo; cách dẫn dắt tinh tiết khéo léo, tự nhiên, ngôn ngữ kể chuyện hấp dẫn, mang đậm màu sắc miền núi.	0,5
		<p>- Tấm lòng nhân đạo của Tô Hoài:</p> <p>+ Niềm cảm thông, thương xót trước số phận đau khổ, bất hạnh của những con người lao động nghèo khổ ở vùng núi Tây Bắc.</p> <p>+ Tố cáo, phê phán bọn chúa đất phong kiến miền núi.</p> <p>+ Phát hiện, trân trọng, khẳng định và ngợi ca sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân.</p>	0,5
		d. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.	0,25

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Thề nguyện^(*)

Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhật thưa⁽¹⁾ gương⁽²⁾ giọi đầu cành,
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh⁽³⁾ hắt hiu
Sinh vừa tựa án⁽⁴⁾ thiu thiu,
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê
Tiếng sen sẽ động giấc hòe⁽⁵⁾,
Bóng trăng đã xế hoa lê⁽⁶⁾ lại gần.
Bâng khuâng đỉnh Giáp non thần⁽⁷⁾.
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
Nàng rằng: “Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải trở đường tìm hoa.

Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?”
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen⁽¹⁾ nổi sập lò đào⁽²⁾ thêm hương.
Tiên thề⁽³⁾ cùng thảo một chương,
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.
Vầng trăng vắng vặc giữa trời,
Đình ninh hai miệng một lời song song
Tóc tơ⁽⁴⁾ căn vện tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng⁽⁵⁾ đến xương.
(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

^(*) Thề nguyện: nhan đề văn bản lấy theo sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010. Đoạn trích nằm ở phần Gặp gỡ và đính ước: Một hôm, khi cả gia đình sang chơi bên ngoài, Kiều đã tìm gặp Kim Trọng. Chiều tà, nàng trở về nhà, được tin cả nhà vẫn chưa về, Kiều quay lại gặp Kim Trọng,...

⁽¹⁾ Nhật thưa: (nhật: mau, dày) chỉ ánh sáng chiếu xuyên qua lá cây tạo thành những khoảng sáng không đều nhau.

⁽²⁾ Gương: ở đây chỉ mặt trăng

⁽³⁾ Trướng huỳnh: xưa có người nhà nghèo không có đèn để đọc sách, phải bắt đom đóm làm đèn học. Do đó, trướng huỳnh được dùng chỉ phòng học của nho sinh, đồng thời gợi ý hiểu học, cả câu ý nói: nhìn từ bên ngoài vào thấy ánh sáng đèn từ phòng học của Kim Trọng lọt ra dịu dịu.

⁽⁴⁾ Án: cái bàn học xưa

⁽⁵⁾ Giấc hòe: ở đây chỉ giấc mơ (dựa theo điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say, nằm ngủ dưới gốc cây hòe, rồi mơ thấy mình ở nước Hoà An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển, khi tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hòe phía nam chỉ có một tổ kiến).

⁽⁶⁾ Hoa lê: hoa cây lê, ở đây chỉ người đẹp

(7) *Đỉnh Giáp non thần*: bài Phú Cao Đường của Tống Ngọc kể rằng vua nước Sở chơi đất Cao Đường nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp, hỏi ở đâu, người đó nói là thần nữ núi Vu Giáp. Non thần: thần núi ấy. Cả câu có nghĩa là Kim Trọng cảm thấy Kiều xuất hiện như là thần nữ của núi Vu Giáp

(1) *Đài sen*: cái đài hình hoa sen để đặt cây nến

(2) *Lò đào*: cái lò hương hình trái đào. Cả câu ý nói Kim Trọng đặt thêm nến sáp cho thêm sáng, thắp thêm hương cho thêm thơm.

(3) *Tiên thê*: (tiên: tờ giấy) tờ giấy viết lời thê

(4) *Tóc tơ*: chỉ những điều tỉ mỉ, chi li

(5) *Chữ đồng*: chữ đồng tâm, đồng lòng

Thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản trên?

b. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

c. Gọi tên 01 biện pháp tu từ trong câu thơ sau và phân tích tác dụng:

*Nàng rằng khoảng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa*

d. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

e. Tác giả thể hiện thái độ như thế nào đối với tình yêu Kim – Kiều qua đoạn trích trên?

f. Hãy ghi lại câu thơ em tâm đắc nhất trong đoạn trích và giải thích vì sao?.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn thuyết minh về đoạn trích *Thê nguyên- Truyện Kiều*, Nguyễn Du được trích dẫn ở phần Đọc hiểu văn bản.

----- **HẾT** -----

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lí các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: $5.25=5.3$; $5.75=5.8$

II. ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC - HIỂU Đọc văn bản và trả lời câu hỏi	6.0
a	Thẻ thơ được sử dụng trong văn bản: Lục bát * Cách cho điểm: - HS trả lời như trên: 0,75 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	0.75
b	Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể bằng lời của tác giả * Cách cho điểm: - Trả lời như trên: 0,75 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	0.75
c	Gọi tên 01 biện pháp tu từ trong câu thơ: Nàng rằng khoảng vắng đêm trường Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa - Biện pháp tu từ: Ẩn dụ " Vì hoa... tìm hoa" (0.5) - Tác dụng: (0.5) + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ, làm câu thơ sinh động, hấp dẫn (0,25) + Giúp người đọc hiểu được tình yêu tha thiết, mãnh liệt của Thúy Kiều dành cho Kim Trọng (0,25) * Cách cho điểm: - Cho 1,0 điểm khi HS trình bày đầy đủ các ý trên - Cho 0,5 điểm khi HS trả lời được ý 1 hoặc ý 2 - Cho 0 điểm khi HS trả lời sai hoặc không trả lời.	1.0
d	Nội dung: Nói về việc Thúy Kiều đến nhà Kim Trọng lần thứ 2 và cảnh thê nguyên, đính ước của Kim- Kiều * Cách cho điểm: - Cho 1,0 điểm khi HS trình bày đầy đủ các ý trên	1.0

	- Cho 0 điểm khi HS trả lời sai hoặc không trả lời. Số điểm khác, giáo viên linh hoạt khi chấm	
e	Thái độ của tác giả: Trân trọng và ngợi ca tình yêu trong sáng, cao đẹp của Kim - Kiều * Cách cho điểm: Giáo viên linh hoạt trong cách đánh giá và cho điểm. Các em có thể trình bày nhiều cách khác nhau, song về cơ bản vẫn đảm bảo các ý trong đáp án	0.5
f	Câu thơ em tâm đắc nhất trong đoạn trích: Hs ghi lại được câu thơ trong đoạn trích mà HS tâm đắc nhất và lí giải phù hợp cho sự lựa chọn của mình * Cách cho điểm - Hs ghi lại câu thơ trong đoạn trích mà bản thân tâm đắc (1.0) - Lí giải cho sự lựa chọn một cách hợp lí, thuyết phục (1.0) - Cho 0 điểm khi HS không trả lời hoặc lí giải không hợp lí	2.0
II	VIẾT VĂN: Viết bài văn thuyết minh về đoạn trích "Thề nguyện" trích "Truyện Kiều"- Nguyễn Du được trích dẫn trong phần đọc hiểu	4.0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh: Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai các nội dung thuyết minh, Kết bài đánh giá về đối tượng thuyết minh.	0.25
	b. Xác định đúng đối tượng thuyết minh: thuyết minh về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Thề nguyện</i>	0.25
	c. Triển khai vấn đề thuyết minh: HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau: * Giới thiệu đối tượng thuyết minh: Đoạn trích Thề nguyện trích Truyện Kiều, Nguyễn Du * Thuyết minh vài nét về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều	3.0
	* Nội dung của đoạn trích Thề nguyện: - Vị trí, thể thơ, phương thức biểu đạt - Nội dung: Theo tiếng gọi của tình yêu, Kiều trở lại nhà Kim Trọng vượt qua những thứ lễ giáo phong kiến để chủ động bày tỏ tình yêu của mình với Kim Trọng. Kim Trọng vui mừng làm lễ rước vào, hai người nhận ra tình cảm của nhau và chuẩn bị một lễ thề nguyện thiêng liêng hạnh phúc. Cảnh thề nguyện đã diễn ra thật thiêng liêng và hạnh phúc. Những tín vật tình yêu cùng những lời nói đồng lòng đã được vầng trăng kia chứng giám cho tình yêu của Kim- Kiều. Qua đoạn trích “Thề nguyện”, Nguyễn Du đã xây dựng một khung cảnh tuyệt đẹp đó là đêm trăng tình yêu, vầng trăng ước hẹn để từ đó thể hiện khát khao về tình yêu tự do của Thúy Kiều, người con gái xinh đẹp, tài hoa nhưng bạc mệnh. Tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng là tình yêu trong sáng, thủy chung, vượt lên trên lễ giáo phong kiến - Nghệ thuật: Nghệ thuật sử dụng điển tích, điển cố; Hình ảnh ẩn dụ đặc sắc: <i>giác hòe, Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần, đỉnh Giáp non thần,...; Vì hoa nên phải trở đường tìm hoa, Tóc tơ, chữ đồng,...; Sử dụng nhiều từ láy có giá trị tạo hình, biểu cảm.</i>	0.5
	* Khẳng định lại giá trị tư tưởng của đoạn trích Hướng dẫn chấm:	0.5

	- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5- 3,0 điểm - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 2,0 điểm. - Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm.	0,5
	e. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,25

----- Hết -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

Tiếng trống thu không(1) trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen(2); đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn thơ ngây của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hẵng thông thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mĩ, đèn hoa kì leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

(Trích "*Hai đứa trẻ*"- Thạch Lam, Ngữ văn 11, tập 1, NXB giáo dục Việt Nam 2011, Tr 95)

* Chú thích:

- (1) *Thu không*: ở kinh thành hoặc tỉnh thành ngày xưa, đến gần tối có quân lính đi tuần tra, nếu thấy không có điều gì bất thường thì báo hiệu (thường là bằng trống) để đóng cửa thành, gọi là *thu không*, ý là trong thành an toàn, không có gì đáng lo ngại. Nghĩa trong bài: hồi trống báo hiệu trời sắp tối.
- (2) *Quả thuốc sơn đen* (quả: đồ để đựng, thường được làm bằng gỗ hoặc đan bằng tre, hình hộp tròn, bên trong chia làm nhiều ngăn, có nắp đậy, sơn màu đen, nâu hoặc đỏ): quả đựng thuốc Lào, sơn màu đen.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3. Bức tranh phố huyện được miêu tả qua những âm thanh nào?

Câu 4. Tìm những chi tiết miêu tả ánh sáng của ngọn đèn trong đoạn trích.

Câu 5. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “*Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”.

Câu 6. Cảm nhận của em về bức tranh phố huyện trong đoạn trích (trình bày dưới hình thức đoạn văn khoảng 3-5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn về vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người.

----- **HẾT** -----

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lí các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10,0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: $5.25=5.3$; $5.75=5.8$

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I			6,0
	1	Ngôi kể thứ 3 Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời khác: không cho điểm.	0,75
	2	Nội dung chính của đoạn trích: bức tranh phố huyện lúc chiều tàn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. - GV linh hoạt ở các mức điểm còn lại.	0,75
	3	Bức tranh phố huyện được miêu tả qua những âm thanh: - tiếng trống thu không; - tiếng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng; - tiếng muỗi vo ve; - tiếng chõng kêu cọt két.	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời 1 ý được 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm 	
	4	<p>Những chi tiết miêu tả ánh sáng của ngọn đèn trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - đèn treo trong nhà bác phở Mĩ - đèn hoa kì leo lét trong nhà ông Cửu; - đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được đầy đủ các ý trên: 1,0 điểm - Học sinh trả lời thiếu 1 ý: trừ 0,25 điểm. 	1,0
	5	<p>- Biện pháp tu từ so sánh: <i>Phương tây - lửa cháy; những đám mây - hòn than sắp tàn</i></p> <p>* Gọi tên biện pháp tu từ: 0,25; nêu dẫn chứng: 0,25</p> <p>- Tác dụng</p> <p>+ Câu văn giàu hình ảnh; gợi hình, gợi cảm (0,25)</p> <p>+ Bức tranh thiên nhiên trở nên tươi đẹp thơ mộng trong thời khắc của ngày tàn.(0,25)</p> <p>* HS có thể diễn đạt khác, nhưng đúng với tinh thần của đáp án thì vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0
	6	<p>Cảm nhận của em về bức tranh phố huyện trong đoạn trích (trình bày dưới hình thức đoạn văn khoảng 3-5 câu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về hình thức: Đảm bảo hình thức và dung lượng của một đoạn văn theo yêu cầu của đề bài. Viết đúng ngữ pháp, chính tả. (0,25) - Về nội dung: HS có thể trình bày các ý: <ul style="list-style-type: none"> + Bức tranh có sự hài hòa giữa âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét.(0,25) + Âm thanh của bức tranh phố huyện được phát ra trong sự vắng lặng, buồn tẻ, tịch mịch, gợi cuộc sống nghèo nàn, tàn lụi, tù đọng của những người dân nghèo phố huyện. (0,5) 	1,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		+ Bức tranh được miêu tả bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu chất thơ, giọng văn nhẹ nhàng mà thấm thía, đậm chất trữ tình.. (0,5) * HS có thể diễn đạt khác, giáo viên linh hoạt khi cho điểm.	
II		Viết bài văn nghị luận bàn về vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai vấn đề, Kết bài khái quát lại vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau:	3,0
		* Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.	0,25
		* Thân bài:	
		- <i>Giải thích:</i> Thiên nhiên: môi trường sống bao quanh con người gồm đất, nước, gió, không khí, ánh sáng,...	0,25
		- <i>Phân tích - Chứng minh:</i> Vai trò của thiên nhiên:	
		- Cung cấp cho vạn vật không gian sống, sản sinh và nuôi dưỡng mọi sự sống trên Trái Đất.	1,5
		- Mang lại cho con người nguồn lợi về vật chất: phát triển kinh tế, du lịch, khoa học công nghệ,...	
	- Bồi đắp cho tâm hồn con người: thơ ca, âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh,..		
	- Chứa đựng những tinh hoa văn hóa lâu bền, là minh chứng cho sự phát triển của con người.		
	- Không có thiên nhiên, con người không thể sinh sống và phát triển.		
	- <i>Bình luận:</i> Phê phán các hành động phá hoại tự nhiên, khai thác quá mức những tài nguyên thiên nhiên, lối sống xa rời tự nhiên		
	* Kết bài:		
	- Khẳng định lại vai trò của thiên nhiên		
	- Đề xuất biện pháp bảo vệ thiên nhiên	0,5	

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
			0,5
		d. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,25
